

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 11-7-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ven.
2. Ông Đoàn Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông [Hò Quốc M](#), sinh năm 1993; Địa chỉ: [Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An](#)

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà [Nguyễn Thị Huỳnh T](#), sinh năm 1997; Địa chỉ: [Khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An](#) (văn bản ủy quyền ngày 06-11-2023). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông [Lữ Huy H](#), sinh năm 1992; (có mặt)

2.2. Cháu [Lữ Đình Đ](#), sinh năm 2016;

Cùng địa chỉ: [Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An](#);

Đại diện hợp pháp của [Lữ Đình Đ](#): Ông [Lữ Huy H](#) (cha ruột); (có mặt).

2.3. Ông [Đinh Văn C](#), sinh năm 1965 và bà [Nguyễn Thị M1](#), sinh năm 1967; Địa chỉ: [Khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh](#). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-11-2023, các văn bản tiếp theo của nguyên đơn ông [Hò Quốc M](#) và tại phiên tòa, bà [Nguyễn Thị Huỳnh T](#) đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Tháng 01/2023 đến tháng 6/2023, ông [Hò Quốc M](#) có cho vợ chồng ông [Lữ Huy H](#) và bà [Đinh Thị Thúy Đ1](#) vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 485.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1, ngày 15-01-2023 vay 75.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng.

Lần 2, ngày 20-02-2023 vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng.

Lần 3, ngày 12-6-2023 vay 130.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng.

Lần 4, ngày 20-6-2023 vay 80.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng. Lần này ông [M](#) cộng cả số tiền 200.000.000 đồng vay ngày 20-02-2023 ghi thành giấy mượn tiền 280.000.000 đồng.

Các lần vay đều có làm giấy mượn tiền do ông [H](#) ký tên và điểm chỉ, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Ông [H](#) hứa đến ngày 20-10-2023 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền đã vay là 485.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến hạn ông [H](#) không thanh toán. Từ lúc vay đến nay, ông [H](#) bà [Đ1](#) chưa thanh toán bất kỳ khoản lãi nào cho ông [M](#). Tháng 3/2023 bà [Đ1](#) chết. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà [Đ1](#) là ông [H](#), ông [Đinh Văn C](#) (cha ruột bà [Đ1](#)), bà [Nguyễn Thị M1](#) (mẹ ruột bà [Đ1](#) và cháu [Lữ Đình Đ](#) (con ruột bà [Đ1](#)). Ông [M](#) đã nhiều lần liên hệ với ông [H](#), ông [C](#) và bà [M1](#) để yêu cầu thanh toán số nợ vay và tiền lãi nhưng không ai thanh toán.

Tại phiên tòa, bà [Nguyễn Thị Huỳnh T](#) đại diện hợp pháp của ông [M](#) trình bày:

+ Ông [M](#) xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà [Đinh Thị Thúy Đ1](#) gồm cháu [Lữ Đình Đ](#), ông [Đinh Văn C](#) và bà [Nguyễn Thị M1](#) có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông [M](#) nữa.

+ Ông [M](#) và ông [H](#) đã thỏa thuận được việc giải quyết vụ án là: Ông [Lữ Huy H](#) có nghĩa vụ thanh toán cho ông [M](#) 607.535.000 đồng, gồm 485.000.000 đồng tiền gốc và 122.535.000 đồng tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án (ngày 11-7-2024) với lãi suất 1,66%/tháng.

– Tại Bản tự khai ngày 07-3-2024, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông [Lữ Huy H](#) (đồng thời là đại diện hợp pháp của cháu [Lữ Đình Đ](#)) trình bày: Ông thống nhất toàn bộ phần trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Ông đồng ý việc nguyên đơn rút yêu cầu đối với những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà [Đinh Thị Thúy Đ1](#) gồm cháu [Lữ Đình Đ](#), ông [Đinh Văn C](#) và bà [Nguyễn Thị M1](#). Các giấy mượn tiền ông [M](#) cung cấp cho Tòa án do ông viết, ký tên và điểm chỉ. Ông đồng ý

trả cho ông M số tiền 607.535.000 đồng, gồm 485.000.000 đồng tiền gốc và 122.535.000 đồng tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án (ngày 11-7-2024) với lãi suất 1,66%/tháng như đại diện nguyên đơn trình bày.

– Tại Bản tự khai ngày 05-4-2024, bị đơn ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị M1 trình bày: Ông bà không liên quan gì đến tiền nợ của ông H, nợ của ông Hoàng m, ông H tự trả.

Vụ việc được hòa giải tại Tòa án nhưng không thành. Bị đơn là ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị M1 vắng mặt tại phiên hòa giải.

- Ngày 05-4-2024, bị đơn là ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị M1 có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hồ Quốc M khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Lữ Huy H, cháu Lữ Đình Đ, ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị M1, Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Bị đơn là ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị M1 có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Xét tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Đinh Thị Thúy Đ1 gồm cháu Lữ Đình Đ, ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị M1. Việc rút một phần yêu cầu đại diện hợp pháp của nguyên đơn là tự nguyện. bị đơn ông H thống nhất việc rút một phần yêu cầu; bị đơn là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Đ1 gồm cháu Đ, ông C và bà M1 không có yêu cầu độc lập. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này là phù hợp.

[4] Xét tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn ông H thỏa thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Ông Lữ Huy H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hồ Quốc M 607.535.000 đồng, gồm 485.000.000 đồng tiền gốc và 122.535.000 đồng tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án (ngày 11-7-2024). Việc thỏa thuận thống nhất của hai bên đương sự phù hợp với các giấy tay mượn tiền do ông H xác lập, ký tên, điểm chỉ; Đây là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận;

[5] Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án là phù hợp.

[6] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy:

Nguyên đơn là ông M được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, trả lại cho ông M 12.840.180 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm; ông H có nghĩa vụ trả cho ông M 607.535.000 đồng, nên phải chịu 28.301.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 288, 357, 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Hồ Quốc M đối với cháu Lữ Đình Đ, ông Đình Văn C và bà Nguyễn Thị M1.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Hồ Quốc M đối với ông Lữ Huy H.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Ông Lữ Huy H có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Quốc M 607.535.000 đồng (sáu trăm lẻ bảy triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Buộc ông Lữ Huy H phải nộp 28.301.400 đồng (hai mươi tám triệu, ba trăm lẻ một nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Hồ Quốc M 12.840.180 đồng (mười hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, một trăm tám mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004313 ngày 01-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11-7-2024); Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương